

## THÔNG BÁO

### **Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026 đối với người nước ngoài**

Căn cứ Kế hoạch đào tạo năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-ĐHNN ngày 12/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-ĐHNN ngày 09/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1146/QĐ-ĐHNN ngày 12/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHĐN;

Căn cứ Công văn số 3917/ĐHĐN-ĐT ngày 16/11/2021 của Đại học Đà Nẵng về việc giao các trường đại học thành viên tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Công văn số 2066/ĐHNN-ĐT ngày 05/6/2026 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHĐN về Thông tin tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026;

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHĐN thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026 như sau:

#### **1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

##### **1.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển**

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

##### **1.2. Ngành phù hợp:** xem tại Phụ lục 3.

##### **1.3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1.1 khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:**

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHĐN cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 2 của thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

**1.4. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài:** nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường (nếu có).

**1.5. Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài:** ứng viên phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT; khoản 4 Điều 5 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1146/QĐ-ĐHNN ngày 12/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQN và yêu cầu về ngoại ngữ đối với ứng viên dự tuyển theo ngành phù hợp được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Thông báo này.

## **2. Số lượng tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo**

### **2.1. Số lượng tuyển sinh đợt 2 năm 2026**

| STT | Tên ngành                                       | Chương trình                    | Mã ngành | Số lượng tuyển sinh                                                   |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Ngôn ngữ Anh                                    | Định hướng nghiên cứu           | 8220201  | Chỉ tiêu tuyển sinh nằm trong chỉ tiêu tuyển sinh chung của mỗi ngành |
| 2.  | Ngôn ngữ Pháp                                   | Định hướng nghiên cứu           | 8220203  |                                                                       |
| 3.  | Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu                 | Định hướng nghiên cứu           | 8220241  |                                                                       |
| 4.  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh | Định hướng nghiên cứu/ ứng dụng | 8140111  |                                                                       |

### **2.2. Hình thức, chương trình, thời gian đào tạo**

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Chương trình theo định hướng nghiên cứu/ ứng dụng
- Thời gian đào tạo chuẩn: 02 năm (24 tháng); thời gian đào tạo tối đa: 04 năm (48 tháng)

## **3. Danh mục ngành phù hợp và thông tin những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung**

Thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng học bổ sung kiến thức (xem tại **Phụ lục 3 của Thông báo tuyển sinh**) đăng ký tại Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng – Trường Đại học Ngoại ngữ, 131 Lương Nhữ Hộc, phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Trường Đại học Ngoại ngữ xét các học phần bổ sung kiến thức, thông báo đến từng thí sinh về danh sách học các học phần bổ sung kiến thức, học phí học bổ sung kiến thức và thời khóa biểu cụ thể qua email cá nhân.

Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: **Từ ngày ra thông báo tuyển sinh này đến hết ngày 06/11/2026**

**Thời gian dự kiến tổ chức học bổ sung kiến thức từ ngày 09/11/2026**

## **4. Hồ sơ dự tuyển và lệ phí xét tuyển**

### **4.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển đối với ứng viên người nước ngoài**

Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm các giấy tờ sau:

- a. Đơn đăng ký dự tuyển dành cho người nước ngoài học tại Việt Nam;
- b. Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bảng điểm trình độ đại học;
- c. Sơ yếu lý lịch dành cho người nước ngoài, có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương (trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);
- d. Giấy khám sức khỏe (trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

e. Bản sao minh chứng đạt điều kiện về ngôn ngữ theo Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam và quy định tại Mục 2.4.3. của Đề án này;

f. Minh chứng kết quả bổ sung kiến thức (nếu có);

h. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc có hạn sử dụng ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam;

i. Minh chứng nộp lệ phí xét tuyển.

*Trong trường hợp đặc biệt lưu học sinh đi học theo dạng hiệp định hoặc được tài trợ học bổng hoặc có quy định giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác, Nhà trường có thể yêu cầu các giấy tờ bổ sung.*

#### 4.2. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 400.000 đồng/hồ sơ dự tuyển

- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản với thông tin cụ thể sau:

+ Người thụ hưởng: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

+ Số tài khoản: 2009201005815

+ Tên ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Nam Đà Nẵng – PGD Hòa Cường.

+ Nội dung chuyển khoản: Họ và tên thí sinh, số điện thoại, ThS dot2.2026

#### 4.3. Đăng ký dự tuyển

Thí sinh đăng ký dự tuyển gồm 02 bước:

1/ Đăng ký trực tuyến tại link: <https://forms.gle/tf8paEJ6t3xLoYjY8> (hoặc quét mã QR ở góc dưới bên trái thông báo này)

2/ Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Ngoại ngữ, 131 Lương Nhữ Hộc, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại liên hệ: 0236.3699.321

Thời gian đăng ký dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 27/11/2026

### 5. Phương thức và kế hoạch tuyển sinh

#### 5.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

#### 5.2. Kế hoạch tuyển sinh

Thời gian xét tuyển và nhập học: Dự kiến tháng 12/2026

### 6. Nguyên tắc và quy trình xét tuyển

#### 6.1. Nguyên tắc xét tuyển

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN xét tuyển theo ngành, xét tuyển ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu.

**Điểm xét tuyển** = *Điểm trung bình tích lũy toàn khóa bậc đại học theo thang điểm 4 của ngành phù hợp (không phân biệt loại hình đào tạo, ngành đào tạo)*

+ Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển nhưng vượt chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố, Nhà trường xét tuyển ưu tiên theo mức từ cao xuống thấp điểm của học phần tốt nghiệp (khóa luận, chuyên đề, đề án). Trường hợp thí sinh không có điểm học phần tốt nghiệp, điểm trung bình tích lũy toàn khóa học của ngành phù hợp được sử dụng để thay thế học phần tốt nghiệp.

+ Trường hợp thang điểm 10 sẽ được quy đổi về thang điểm 4 như sau:

| TT | Thang điểm 10    | Thang điểm 4 |
|----|------------------|--------------|
| 1  | Từ 9,00 đến 10,0 | 4,00         |

|   |                      |           |
|---|----------------------|-----------|
| 2 | Từ 8,00 đến cận 9,00 | 3,50      |
| 3 | Từ 7,00 đến cận 8,00 | 3,00      |
| 4 | Từ 6,00 đến cận 7,00 | 2,50      |
| 5 | Từ 5,00 đến cận 6,00 | 2,00      |
| 6 | Dưới 5,00            | Không xét |

Các trường hợp thang điểm khác với thang điểm trên, việc quy đổi tương đương sang thang điểm 4 sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

## 6.2. Quy trình xét tuyển

- Bước 1: Xem xét các yêu cầu đối với thí sinh được quy định tại mục 1 của Thông báo này;

- Bước 2: Thí sinh đáp ứng các quy định tại mục 1 của Thông báo này được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển và được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu ngành đào tạo đã được phê duyệt.

## 7. Mức học phí

### 7.1. Học phí đối với lưu học sinh Lào

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHNH thực hiện mức học phí theo quy định của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Mức thu học phí năm học 2026-2027 là: 1.050.000 đồng/tín chỉ (Dự kiến thu 30 tín chỉ cho năm học 2026-2027 với số tiền thu là: 31.500.000 đồng/năm).

Lộ trình học phí các năm học tiếp theo: Trong các năm học tiếp theo, mức thu học phí được điều chỉnh tăng theo lộ trình thu học phí được quy định tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ, Nhà trường đảm bảo tỷ lệ tăng học phí của năm học tiếp theo không vượt quá 15% so với năm học trước.

### 7.2. Học phí đối với học viên nước ngoài khác

Mức thu học phí năm học 2026-2027: 1.540 USD/ năm học

Lộ trình học phí các năm học tiếp theo: Trong các năm học tiếp theo, Nhà trường đảm bảo tỷ lệ tăng học phí của năm học tiếp theo không vượt quá 15% so với năm học trước.

#### Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/h c/d);
- Đăng website Trường ĐHNH;
- Lưu: VT, ĐTBĐCL.



TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha

Quét mã QR để đăng ký dự tuyển



## PHỤ LỤC 1: MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 2026

### ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 – NĂM 2026

NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:.....

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

Tôi tên là (ghi họ và tên): ..... Giới tính: .....

Ngày sinh: ...../...../..... Nơi sinh: ..... Dân tộc: .....

CCCD:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ số nhà, đường, phường (xã), huyện (quận), tỉnh (thành phố)):

.....

Đơn vị công tác: .....

Địa chỉ nơi làm việc: .....

Điện thoại: ..... DD: ..... E-mail: .....

Địa chỉ liên lạc khi cần: .....

*Thông tin văn bằng đại học thí sinh sử dụng để dự tuyển:*

Ngành: ..... Hình thức đào tạo: .....

Xếp loại tốt nghiệp:.....Số hiệu bằng: .....

Năm tốt nghiệp: .....Cơ sở đào tạo: .....

Điểm trung bình tích lũy bậc đại học: Thang điểm 4 ..... Thang điểm 10:.....

*Thông tin đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ:*

Bằng cấp hoặc chứng chỉ ..... Số hiệu: .....

Nơi cấp : ..... Ngày cấp:.....

Kính đề nghị Hội đồng tuyển sinh cho phép tôi được đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐ.

Tôi xin cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐ.

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 2**

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ  
(Kèm theo Công văn số: 3352/TB-ĐHNN ngày 15/10/2026)

| TT | Ngôn ngữ         | Chứng chỉ/<br>Văn bằng                         | Trình độ/Thang điểm                                                      |                                                                |
|----|------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                  |                                                | Tương đương Bậc 3                                                        | Tương đương Bậc 4                                              |
| 1  | Tiếng Anh        | TOEFL iBT                                      | 30 - 45                                                                  | 46 - 93                                                        |
|    |                  | TOEFL ITP                                      | 450 - 499                                                                |                                                                |
|    |                  | IELTS                                          | 4.0 - 5.0                                                                | 5.5 - 6.5                                                      |
|    |                  | Cambridge Assessment English                   | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
|    |                  | TOEIC (4 kỹ năng)                              | Nghe: 275-399<br>Đọc: 275-384<br>Nói: 120-159<br>Viết: 120-149           | Nghe: 400-489<br>Đọc: 385-454<br>Nói: 160-179<br>Viết: 150-179 |
| 2  | Tiếng Pháp       | CIEP/Alliance française diplomas               | TCF: 300-399<br>Văn bằng DELF B1<br>Diplôme de Langue                    | TCF: 400-499<br>Văn bằng DELF B2<br>Diplôme de Langue          |
| 3  | Tiếng Đức        | Goethe - Institut                              | Goethe-Zertifikat B1                                                     | Goethe-Zertifikat B2                                           |
|    |                  | The German TestDaF language certificate        | TestDaF Bậc 3 (TDN 3)                                                    | TestDaF Bậc 4 (TDN 4)                                          |
| 4  | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)                    | HSK Bậc 3                                                                | HSK Bậc 4                                                      |
| 5  | Tiếng Nhật       | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)      | N4                                                                       | N3                                                             |
| 6  | Tiếng Nga        | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1                                                                   | ТРКИ-2                                                         |

## PHỤ LỤC 3

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH TUYỂN SINH  
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

(Kèm theo Công văn số: 3952 /TB-ĐHNN ngày 15/10 /2026)

| TT | NGÀNH THẠC SĨ                   | NGÀNH PHÙ HỢP –<br>KHÔNG HỌC BỔ SUNG<br>KIẾN THỨC                         | NGÀNH PHÙ HỢP – HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                            |                  |                                                                                                                                                                                                       |
|----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                 |                                                                           | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tên học phần học bổ sung                                                                                                                   | Tín chỉ          | Ghi chú                                                                                                                                                                                               |
| 1  | Ngôn ngữ Anh                    | - Ngôn ngữ Anh<br>- Su phạm tiếng Anh                                     | - Ngôn ngữ Nga<br>- Ngôn ngữ Pháp<br>- Ngôn ngữ Trung Quốc<br>- Ngôn ngữ Đức<br>- Ngôn ngữ Nhật<br>- Ngôn ngữ Hàn Quốc<br>- Su phạm tiếng Pháp<br>- Su phạm tiếng Trung Quốc<br>- Quốc tế học<br>- Đông phương học<br>- Đông Nam Á học<br>- Trung Quốc học<br>- Nhật Bản học<br>- Hàn Quốc học<br>- Châu Á-Thái Bình Dương học | - Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 1<br>- Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2<br>- Dẫn nhập ngữ âm-âm vị học tiếng Anh<br>- Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao | 2<br>2<br>2<br>4 | <i>Thí sinh thuộc nhóm ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức) phải có chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương theo quy định.</i> |
| 2  | Ngôn ngữ Pháp                   | - Ngôn ngữ Pháp<br>- Su phạm tiếng Pháp<br>- Pháp văn                     | - Ngôn ngữ Anh<br>- Ngôn ngữ Nga<br>- Ngôn ngữ Tây Ban Nha<br>- Ngôn ngữ Ý<br>- Ngôn ngữ Nhật<br>- Ngôn ngữ Hàn Quốc<br>- Ngôn ngữ Trung Quốc                                                                                                                                                                                  | - Ngôn ngữ học ứng dụng<br>- Ngôn ngữ học đối chiếu                                                                                        | 2<br>2           | <i>Thí sinh thuộc nhóm ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức) phải có chứng chỉ tiếng Pháp C1 quốc tế.</i>                                                                                             |
| 3  | Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu | - Su phạm tiếng nước ngoài (Su phạm Tiếng Anh, Su phạm Tiếng Nga, Su phạm | - Việt Nam học<br>- Hán Nôm<br>- Văn hóa học                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - Dẫn nhập Cơ sở ngôn ngữ học                                                                                                              | 2                |                                                                                                                                                                                                       |

| TT | NGÀNH THẠC SĨ                                   | NGÀNH PHÙ HỢP – KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | NGÀNH PHÙ HỢP – HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                               |                     |                                                                                                                                                                                                |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tên học phần học bổ sung                                                                                                                                                                                                                      | Tín chỉ             | Ghi chú                                                                                                                                                                                        |
|    |                                                 | Tiếng Pháp, Sư phạm tiếng Trung Quốc, ...) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ Anh</li> <li>- Ngôn ngữ Pháp</li> <li>- Ngôn ngữ Đức</li> <li>- Ngôn ngữ Trung Quốc</li> <li>- Ngôn ngữ Nhật Bản</li> <li>- Ngôn ngữ Hàn Quốc</li> <li>- Ngôn ngữ Thái Lan</li> <li>- Ngôn ngữ học</li> <li>- Sư phạm Ngữ văn</li> <li>- Cử nhân văn học</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý văn hóa</li> <li>- Đông phương học</li> <li>- Quốc tế học</li> <li>- Nhân học (Chuyên ngành Nhân học ngôn ngữ)</li> <li>- Báo chí và Truyền thông (Các chuyên ngành Ngôn ngữ báo chí và Biên tập xuất bản)</li> <li>- Đông Nam Á học</li> <li>- Trung Quốc học</li> <li>- Nhật Bản học</li> <li>- Hàn Quốc học</li> <li>- Châu Á – Thái Bình Dương học</li> <li>- Quan hệ quốc tế</li> <li>- Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dẫn nhập Phong cách học tiếng Việt</li> <li>- Dẫn nhập ngữ pháp tiếng Việt</li> </ul>                                                                                                                | 2<br><br>2          |                                                                                                                                                                                                |
| 4  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sư phạm tiếng Anh</li> <li>- Ngôn ngữ Anh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sư phạm các ngoại ngữ khác (Sư phạm tiếng Pháp, Sư phạm tiếng Trung, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Hàn ...)</li> <li>- Cử nhân các ngoại ngữ khác (Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn ...)</li> <li>- Quốc tế học</li> <li>- Đông phương học</li> <li>- Châu Á học</li> <li>- Đông Nam Á học</li> <li>- Trung Quốc học</li> </ul>                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao</li> <li>- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1</li> <li>- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2</li> </ul> <p>*Các ngành / trường hợp khác, Khoa đề xuất HP bổ sung cụ thể</p> | 4<br><br>2<br><br>2 | Thí sinh thuộc nhóm ngành phù hợp (học bổ sung kiến thức) phải có chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương theo quy định. |

| TT | NGÀNH THẠC SĨ | NGÀNH PHÙ HỢP –<br>KHÔNG HỌC BỔ SUNG<br>KIẾN THỨC | NGÀNH PHÙ HỢP – HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC                                                                                                                       |                          |         |         |
|----|---------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|---------|
|    |               |                                                   | Tên ngành                                                                                                                                                   | Tên học phần học bổ sung | Tín chỉ | Ghi chú |
|    |               |                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhật Bản học</li> <li>- Hàn Quốc học</li> <li>- Châu Á - Thái Bình Dương học</li> <li>- Quan hệ quốc tế</li> </ul> |                          |         |         |

